TÒA ÁN NHÂN DÂN **NGH2ỆN HOÀI ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NTNĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 481/2023/QĐST-HNGĐ	*Hoài Đức, ngày 29 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 NTNị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo NTNị quyết;

Sau khi NTNiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 440/2023/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh NTH – Sinh năm: 1998

Chị NTN – Sinh năm: 2000

Cùng trú tại: Đội 14, thôn P, xã V, NGH2ện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh NTH và chị NTN lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2018 tại UBND xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, không thể đoàn tụ được, anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn, đề NTNị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh NTH và chị NTN thực sự trầm trọng, nguyện vọng đề NTNị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh NTH và chị NTN xác nhận có 02 con chung là NGH, sinh ngày 03/9/2017 và NGH2, sinh ngày 24/5/2020. Hai con chung sức khoẻ bình

thường. Anh chị thống nhất thoả thuận giao cho anh NTH trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu NGH2, giao cho chị NTN trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu NGH, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh NTH và chị NTN không ai phải đóng góp nuôi con chung, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận.

[3] Về tài sản và nhà đất chung: Anh NTH và chị NTN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Anh NTH và chị NTN xác nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Chị NTN tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Sự tự nguyện của chị NTN là phù hợp nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh NTH và chị NTN cùng thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Anh NTH và chị NTN xác nhận có 02 con chung là NGH, sinh ngày 03/9/2017 và NGH2, sinh ngày 24/5/2020. Anh chị thống nhất thoả thuận giao cho anh NTH trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu NGH2, giao cho chị NTN trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hân, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh NTH, chị NTN không ai phải đóng góp nuôi con chung kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh NTH, chị NTN quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[1.3] Về tài sản và nhà đất chung: Anh NTH và chị NTN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[1.4] Về nợ chung: Anh NTH và chị NTN xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí: Chị NTN tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị NTN đã nộp theo Biên lai thu số 0005277 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND huyện Hoài Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Hoài Đức;*
- *UBND x.V, h.Hoài Đức, Hà Nội (GCN số 74 ngày 10/10/2018);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lan Anh